

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 06
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2122240126	Võ Thị Lan	Anh	23/06/2003	CCQ2224LA	0	0.0	0.0
2	2122240154	Trần Huỳnh Phúc	Bảo	08/10/2004	CCQ2224LA	7	6.2	6.5
3	2122110581	Phan Thanh	Bình	05/01/2004	CCQ2211LA	7.6	7.2	7.4
4	2122110429	Nguyễn Thành	Công	02/01/2004	CCQ2211LA	7	7.4	7.2
5	2122180120	Nguyễn Đình	Cường	16/03/2004	CCQ2218LA	8.3	6.6	7.3
6	2122110428	Nguyễn Võ Tấn	Dũng	06/12/2004	CCQ2211LA	7.8	7.4	7.6
7	2122180106	Lê Minh	Duy	18/10/2004	CCQ2218LA	0		0.0
8	2122170844	Nguyễn Bình Phương	Duy	19/02/2004	CCQ2211LA	6.9	6.8	6.8
9	2122120427	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	CCQ2212LA	7.8	7.4	7.6
10	2122210156	Trần Sĩ	Đan	19/12/2004	CCQ2221LA	6.9	7.4	7.2
11	2122180108	Nguyễn Tiến	Đạt	16/12/2003	CCQ2218LA	7.7	6.6	7.0
12	2122110430	Võ Thành	Đạt	21/07/2004	CCQ2211LA	8.2	7.6	7.8
13	2122120432	Hoàng Minh	Đức	07/11/2003	CCQ2212LA	7.8	8.8	8.4
14	2122260122	Nguyễn Lê Hà	Giang	19/12/2004	CCQ2212LA	8.2	8.6	8.4
15	2122110420	Nguyễn Trường	Giang	22/04/2004	CCQ2211LA	6.7	6.4	6.5
16	2122120439	Nguyễn Văn	Giáp	28/07/2004	CCQ2212LA	7.8	6.6	7.1
17	2122180107	Nguyễn Anh	Gun	26/07/2003	CCQ2218LA	7.6	6.6	7.0
18	2122180087	Nguyễn Vũ	Hà	08/02/2004	CCQ2218LA	7.9	5.4	6.4
19	2122110556	Trần Thanh	Hải	02/11/2004	CCQ2211LA	7.4	8.0	7.8
20	2122120438	Nông Quang	Hành	19/07/2002	CCQ2212LA	7.7	8.2	8.0
21	2122210155	Phạm Thị Thanh	Hằng	26/04/2004	CCQ2221LA	8.2	4.8	6.2
22	2122210158	Lê Thị Bích	Hân	13/05/2004	CCQ2221LA	7.1	5.4	6.1
23	2122110421	Lý Minh	Hậu	13/01/2004	CCQ2211LA	7.3	6.6	6.9
24	2122110431	Trần Thị	Hiền	06/01/2004	CCQ2211LA	7.2	6.8	7.0
25	2122110490	Trần Anh	Hiệu	08/10/2004	CCQ2211LA	5.7	6.6	6.2

26	2122110435	Nguyễn Công	Hoàng	20/03/2004	CCQ2211LA	7.6	6.6	7.0
27	2122180112	Nguyễn Hữu	Hội	16/10/2003	CCQ2218LA	8	6.4	7.0
28	2122120430	Lê Văn	Hùng	21/09/2004	CCQ2212LA	8.4	6.6	7.3
29	2122110422	Huỳnh Quốc	Huy	30/03/2004	CCQ2211LA	7.1	6.8	6.9
30	2122040014	Nguyễn Quang	Huy	04/02/2004	CCQ2211LA	7	6.4	6.6
31	2122240125	Trần Nguyễn Nhật	Huy	23/02/2004	CCQ2224LA	6.4	2.8	4.2
32	2122120428	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/07/2004	CCQ2212LA	7.6	6.4	6.9
33	2122240122	Đoàn Trần Gia	Khang	07/10/1999	CCQ2224LA	6.7	4.6	5.4
34	2122110424	Lê Tấn Xuân	Khang	10/03/2004	CCQ2211LA	8.1	6.8	7.3
35	2122210166	Trần Hoàng	Khôi	27/02/2001	CCQ2221LA	7.5	7.0	7.2
36	2122180121	Nguyễn Đình	Lai	14/02/2004	CCQ2218LA	7.5	6.8	7.1
37	2122240127	Nguyễn Ngô Nhật	Lam	06/12/2004	CCQ2224LA	7.6	6.2	6.8
38	2122120555	Biện Trần Khánh	Linh	09/04/2004	CCQ2212LA	8.6	7.2	7.8
39	2122240123	Lê Xuân Phương	Linh	10/01/2004	CCQ2224LA	7.9	5.2	6.3
40	2122120556	Nguyễn Ngô Phương	Linh	03/01/2004	CCQ2212LA	7.1	7.0	7.0
41	2122110415	Dương Công	Long	02/02/2004	CCQ2211LA	7	8.2	7.7
42	2122180105	Hồng Tuấn	Lộc	01/05/2004	CCQ2218LA	7.6	6.4	6.9
43	2122180110	Lê Thanh	Luận	23/08/2004	CCQ2218LA	6.1	6.4	6.3
44	2122110578	Nguyễn Thảo	Ly	26/09/2004	CCQ2211LA	7	6.4	6.6
45	2122210154	Bùi Thị Hằng	My	28/04/2003	CCQ2221LA	6.9	6.8	6.8
46	2122240130	Huỳnh Nguyễn Trà	My	10/08/2004	CCQ2224LA	8.3	5.2	6.4
47	2122270031	Thạch Thảo	My	09/09/2004	CCQ2212LA	6.2	5.0	5.5
48	2122180050	Vũ Bắc Trung	Nam	03/05/2004	CCQ2218LA	6.6	6.8	6.7
49	2122120434	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	15/06/2004	CCQ2212LA	7.7	4.8	6.0
50	2122120543	Đặng Thị Minh	Nguyệt	28/02/2004	CCQ2212LA	8	7.2	7.5
51	2122110432	Hồ Trung	Nhật	02/06/2004	CCQ2211LA	7.3	5.8	6.4
52	2122240153	Huỳnh Ngọc Phương	Như	08/11/2004	CCQ2224LA	7.2	6.0	6.5
53	2122120436	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	26/05/2004	CCQ2212LA	8.2	8.2	8.2
54	2122120477	Trần Quỳnh	Như	08/06/2004	CCQ2212LA	5.7	6.6	6.2
55	2122110417	Nguyễn Ngọc	Phi	20/03/2004	CCQ2211LA	6.3	7.0	6.7
56	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205LA	7.1	5.8	6.3
57	2122180109	Đinh Huy	Phước	10/03/2003	CCQ2218LA	6.9	6.4	6.6
58	2122110418	Võ Thị Huỳnh	Phương	02/01/2004	CCQ2211LA	7.7	7.4	7.5
59	2122110423	Hoàng Công	Sơn	05/09/2004	CCQ2211LA	7.1	6.8	6.9
60	2122120433	Lộc	Thanh	09/07/2001	CCQ2212LA	6.7	7.4	7.1

61	2122120554	Trịnh Văn	Thành	25/03/2004	CCQ2212LA	7.8	7.0	7.3
62	2122110427	Nguyễn Long	Thình	19/02/1994	CCQ2211LA	7.9	5.8	6.6
63	2122110426	Nguyễn Phú	Thịnh	22/04/2004	CCQ2211LA	8.4	6.6	7.3
64	2122120437	Vũ Thị Hoài	Thu	06/03/2004	CCQ2212LA	7.9	6.0	6.8
65	2122210157	Võ Thị Huệ	Thư	12/10/2004	CCQ2221LA	7.2	6.8	7.0
66	2122110425	Võ Trần Quốc	Toản	25/10/2004	CCQ2211LA	7.4	7.0	7.2
67	2122120124	Vũ Thị Hoàng	Trang	17/10/2004	CCQ2212LA	8.7	7.0	7.7
68	2122110419	Nguyễn Minh	Trí	23/09/2004	CCQ2211LA	7.8	7.8	7.8
69	2122210159	Nguyễn Minh	Tuấn	29/11/2004	CCQ2221LA	7.2	6.6	6.8
70	2122220036	Nguyễn Kim	Tuyền	06/08/2004	CCQ2211LA	7.1	6.2	6.6
71	2122180104	Nguyễn Ngọc	Tư	27/11/2003	CCQ2218LA	8.1	6.4	7.1
72	2122120431	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	25/01/2004	CCQ2212LA	8	7.6	7.8
73	2122120429	Trịnh Phước	Vĩ	29/03/2004	CCQ2212LA	8.5	7.2	7.7
74	2122240080	Nguyễn Phong	Vinh	23/03/2004	CCQ2211LA	7.3	6.2	6.6
75	2122240124	Huỳnh Thị Bích	Vy	26/12/2003	CCQ2224LA	5.6	6.4	6.1
76	2122120426	Nguyễn Thị Thúy	Vy	04/07/2004	CCQ2212LA	7.8	6.0	6.7
77	2122110433	Phạm Quốc Chí	Vỹ	31/10/2004	CCQ2211LA	7.5	5.0	6.0
78								
79								
80								
81								

Tp. Thủ Đức, ngày 17 tháng 10 năm 2022

GIẢNG VIÊN



Nguyễn Trung Lục

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1- Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 06
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2122240126	Võ Thị Lan	Anh	23/06/2003	CCQ2224LA						0.0	
2	2122240154	Trần Huỳnh Phúc	Bảo	08/10/2004	CCQ2224LA	6.0	6.0	7.5	8.7	6.0	7.0	
3	2122110581	Phan Thanh	Bình	05/01/2004	CCQ2211LA	6.5	6.5	7.0	7.7	9.0	7.6	
4	2122110429	Nguyễn Thành	Công	02/01/2004	CCQ2211LA	7.0	7.0	7.0	5.0	9.0	7.0	
5	2122180120	Nguyễn Đình	Cường	16/03/2004	CCQ2218LA	8.0	7.5	7.0	8.7	9.0	8.3	
6	2122110428	Nguyễn Võ Tấn	Dũng	06/12/2004	CCQ2211LA	6.5	6	7	8.7	9	7.8	
7	2122180106	Lê Minh	Duy	18/10/2004	CCQ2218LA	0.0	0.0	0.0			0.0	
8	2122170844	Nguyễn Bình Phương	Duy	19/02/2004	CCQ2211LA	6.0	5.5	7.0	8.0	7.0	6.9	
9	2122120427	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	CCQ2212LA	8.5	9.0	7.0	6.0	9.0	7.8	
10	2122210156	Trần Sĩ	Đan	19/12/2004	CCQ2221LA	5.0	5.0	7.5	6.3	9.0	6.9	
11	2122180108	Nguyễn Tiến	Đạt	16/12/2003	CCQ2218LA	8.5	6.0	6.5	8.3	8.0	7.7	
12	2122110430	Võ Thành	Đạt	21/07/2004	CCQ2211LA	7.0	7.0	7.0	9.3	9.0	8.2	
13	2122120432	Hoàng Minh	Đức	07/11/2003	CCQ2212LA	7.0	7.5	7.0	7.7	9.0	7.8	
14	2122260122	Nguyễn Lê Hà	Giang	19/12/2004	CCQ2212LA	8.5	9.0	7.0	7.3	9.0	8.2	
15	2122110420	Nguyễn Trường	Giang	22/04/2004	CCQ2211LA	5.0	6.5	7.0	5.3	9.0	6.7	
16	2122120439	Nguyễn Văn	Giáp	28/07/2004	CCQ2212LA	7.0	6.5	7.5	7.7	9.0	7.8	
17	2122180107	Nguyễn Anh	Gun	26/07/2003	CCQ2218LA	8.0	7.0	6.5	7.0	9.0	7.6	
18	2122180087	Nguyễn Vũ	Hà	08/02/2004	CCQ2218LA	7.5	5.5	6.5	9.0	9.0	7.9	
19	2122110556	Trần Thanh	Hải	02/11/2004	CCQ2211LA	6.0	5.5	7.5	7.3	9.0	7.4	
20	2122120438	Nông Quang	Hành	19/07/2002	CCQ2212LA	7.5	7.0	7.5	7.0	9.0	7.7	
21	2122210155	Phạm Thị Thanh	Hằng	26/04/2004	CCQ2221LA	7.0	7.5	7.0	8.0	10.0	8.2	
22	2122210158	Lê Thị Bích	Hân	13/05/2004	CCQ2221LA	5.5	6.0	7.0	6.7	9.0	7.1	
23	2122110421	Lý Minh	Hậu	13/01/2004	CCQ2211LA	7.5	7.0	7.0	5.7	9.0	7.3	
24	2122110431	Trần Thị	Hiền	06/01/2004	CCQ2211LA	6.5	6.0	7.0	5.3	10.0	7.2	
25	2122110490	Trần Anh	Hiệu	08/10/2004	CCQ2211LA	6.5		6.5	6.3	7.0	5.7	
26	2122110435	Nguyễn Công	Hoàng	20/03/2004	CCQ2211LA	6.5	6.5	7.0	7.7	9.0	7.6	

27	2122180112	Nguyễn Hữu	Hội	16/10/2003	CCQ2218LA	8.0	7.0	6.5	9.3	8.0	8.0	
28	2122120430	Lê Văn	Hùng	21/09/2004	CCQ2212LA	7.0	7.0	7.5	9.7	9.0	8.4	
29	2122110422	Huỳnh Quốc	Huy	30/03/2004	CCQ2211LA	6.0	5.5	7.0	5.7	10.0	7.1	
30	2122040014	Nguyễn Quang	Huy	04/02/2004	CCQ2211LA	6.5	6.0	6.5	7.0	8.0	7.0	
31	2122240125	Trần Nguyễn Nhật	Huy	23/02/2004	CCQ2224LA	5.0	5.0	7.5	7.7	6.0	6.4	
32	2122120428	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/07/2004	CCQ2212LA	9.0	9.0	7.0	5.0	9.0	7.6	
33	2122240122	Đoàn Trần Gia	Khang	07/10/1999	CCQ2224LA	5.5	4	7.5	7	8	6.7	
34	2122110424	Lê Tấn Xuân	Khang	10/03/2004	CCQ2211LA	7.5	6.0	7.5	9.0	9.0	8.1	
35	2122210166	Trần Hoàng	Khôi	27/02/2001	CCQ2221LA	5.0	5.5	7.5	8.3	9.0	7.5	
36	2122180121	Nguyễn Đình	Lai	14/02/2004	CCQ2218LA	7.0	7.0	6.5	7.0	9.0	7.5	
37	2122240127	Nguyễn Ngô Nhật	Lam	06/12/2004	CCQ2224LA	6.0	6.5	7.0	8.0	9.0	7.6	
38	2122120555	Biện Trần Khánh	Linh	09/04/2004	CCQ2212LA	9.0	8.5	7.0	8.7	9.0	8.6	
39	2122240123	Lê Xuân Phương	Linh	10/01/2004	CCQ2224LA	8.0	8.0	7.0	9.0	7.0	7.9	
40	2122120556	Nguyễn Ngô Phương	Linh	03/01/2004	CCQ2212LA	6.0	7.0	7.0	5.7	9.0	7.1	
41	2122110415	Dương Công	Long	02/02/2004	CCQ2211LA	7.0	6.5	7.5	5.0	9.0	7.0	
42	2122180105	Hồng Tuấn	Lộc	01/05/2004	CCQ2218LA	7.5	6.5	7.0	7.0	9.0	7.6	
43	2122180110	Lê Thanh	Luận	23/08/2004	CCQ2218LA	6.5	6.0	6.5	5.0	7.0	6.1	
44	2122110578	Nguyễn Thảo	Ly	26/09/2004	CCQ2211LA	7.0	7.0	7.0	5.0	9.0	7.0	
45	2122210154	Bùi Thị Hằng	My	28/04/2003	CCQ2221LA	5.5	6.0	7.0	6.0	9.0	6.9	
46	2122240130	Huỳnh Nguyễn Trà	My	10/08/2004	CCQ2224LA	7.5	7.5	7.0	9.0	9.0	8.3	
47	2122270031	Thạch Thảo	My	09/09/2004	CCQ2212LA	6.5	6.0	7.0	6.0	6.0	6.2	
48	2122180050	Vũ Bắc Trung	Nam	03/05/2004	CCQ2218LA	6.5	7.0	7.0	5.0	8.0	6.6	
49	2122120434	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	15/06/2004	CCQ2212LA	7.5	8.0	7.0	6.7	9.0	7.7	
50	2122120543	Đặng Thị Minh	Nguyệt	28/02/2004	CCQ2212LA	6.5	7.0	7.0	8.7	9.0	8.0	
51	2122110432	Hồ Trung	Nhật	02/06/2004	CCQ2211LA	5.5	5.5	7.0	8.7	8.0	7.3	
52	2122240153	Huỳnh Ngọc Phương	Như	08/11/2004	CCQ2224LA	6.0	7.0	7.0	6.3	9.0	7.2	
53	2122120436	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	26/05/2004	CCQ2212LA	9.0	9.0	7.0	7.3	9.0	8.2	
54	2122120477	Trần Quỳnh	Như	08/06/2004	CCQ2212LA	7.5	7.5	7.0	0.0	9.0	5.7	
55	2122110417	Nguyễn Ngọc	Phi	20/03/2004	CCQ2211LA	5.0	5.5	7.0	5.3	8.0	6.3	
56	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205LA	6.5	7.5	6.5	5.7	9.0	7.1	
57	2122180109	Đình Huy	Phước	10/03/2003	CCQ2218LA	5.0	5.5	6.5	6.7	9.0	6.9	
58	2122110418	Võ Thị Huỳnh	Phương	02/01/2004	CCQ2211LA	6.5	5.0	7.0	8.7	9.0	7.7	
59	2122110423	Hoàng Công	Sơn	05/09/2004	CCQ2211LA	6.0	5.0	7.0	7.0	9.0	7.1	
60	2122120433	Lộc	Thanh	09/07/2001	CCQ2212LA	7.0	7.5	7.0	3.7	9.0	6.7	
61	2122120554	Trịnh Văn	Thành	25/03/2004	CCQ2212LA	7.0	7.5	7.5	7.3	9.0	7.8	
62	2122110427	Nguyễn Long	Thình	19/02/1994	CCQ2211LA	8.0	7.0	6.0	8.0	9.0	7.9	
63	2122110426	Nguyễn Phú	Thịnh	22/04/2004	CCQ2211LA	6.5	7.0	7.0	9.3	10.0	8.4	
64	2122120437	Vũ Thị Hoài	Thu	06/03/2004	CCQ2212LA	8.0	9.0	7.0	6.7	9.0	7.9	

65	2122210157	Võ Thị Huệ	Thư	12/10/2004	CCQ2221LA	6.5	7.0	7.0	6.0	9.0	7.2	
66	2122110425	Võ Trần Quốc	Toản	25/10/2004	CCQ2211LA	6.0	6.5	7.0	7.3	9.0	7.4	
67	2122120124	Vũ Thị Hoàng	Trang	17/10/2004	CCQ2212LA	7.5	8.0	7.0	9.3	10.0	8.7	
68	2122110419	Nguyễn Minh	Trí	23/09/2004	CCQ2211LA	6.5	5.0	7.0	9.0	9.0	7.8	
69	2122210159	Nguyễn Minh	Tuấn	29/11/2004	CCQ2221LA	6.5	6.5	7.0	6.3	9.0	7.2	
70	2122220036	Nguyễn Kim	Tuyền	06/08/2004	CCQ2211LA	6.0	6.0	7.5	6.0	9.0	7.1	
71	2122180104	Nguyễn Ngọc	Tư	27/11/2003	CCQ2218LA	7.5	7.0	7.0	8.7	9.0	8.1	
72	2122120431	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	25/01/2004	CCQ2212LA	8.0	8.0	6.5	7.7	9.0	8.0	
73	2122120429	Trịnh Phước	Vĩ	29/03/2004	CCQ2212LA	9.0	7.5	7.5	7.7	10.0	8.5	
74	2122240080	Nguyễn Phong	Vinh	23/03/2004	CCQ2211LA	6.0	5.0	7.0	7.7	9.0	7.3	
75	2122240124	Huỳnh Thị Bích	Vy	26/12/2003	CCQ2224LA	7.0	7.0	7.0	0.0	9.0	5.6	
76	2122120426	Nguyễn Thị Thúy	Vy	04/07/2004	CCQ2212LA	8.0	7.0	7.0	7.3	9.0	7.8	
77	2122110433	Phạm Quốc Chí	Vỹ	31/10/2004	CCQ2211LA	5.5	2.0	7.0	9.0	10.0	7.5	
78												
79												
80												
81												

Tp. Thủ Đức, ngày 17 tháng 10 năm 2022

GIẢNG VIÊN



Nguyễn Trung Lục